



BÀI 1 THẦN THOẠI VÀ SỬ THI

MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. KIẾN THỨC

- ❖ **Học sinh phân tích và đánh giá** được một số yếu tố về nội dung (đề tài, chủ đề, thông điệp,...) và hình thức (không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật,...) của truyện thần thoại, sử thi.
- ❖ **Học sinh nhận biết** được một số điểm gần gũi giữa các tác phẩm văn học thuộc nền văn hóa khác nhau
- ❖ **Học sinh nhận biết và sửa được lỗi** dùng từ về hình thức ngữ âm, chính tả và ngữ nghĩa; có thói quen cân nhắc trong việc sử dụng từ ngữ để diễn đạt chính xác, đạt hiệu quả giao tiếp

2. NĂNG LỰC

- ❖ **Học sinh viết** được văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội: một hiện tượng trong cuộc sống hoặc một vấn đề đặt ra từ một hay một số tác phẩm văn học.
- ❖ **Học sinh thuyết trình** về một vấn đề xã hội, có sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ với các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ
- ❖ **Học sinh phát triển: Tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề,....**

3. PHẨM CHẤT

- ❖ **Học sinh cảm phục và trân trọng** những người anh hùng, những giá trị nhân văn cao đẹp; tôn trọng và có ý thức tìm hiểu các nền văn học, văn hóa trên thế giới.

TRI THỨC NGŨ VĂN

I. THẦN THOẠI

1. KHÁI NIỆM

- ❖ Myth – nguồn gốc từ tiếng Hi Lạp, nghĩa đen là truyền thuyết, truyền thoại. Thường được hiểu đó là những truyện về các vị thần, các nhân vật được sùng bái hoặc có quan hệ nguồn gốc với các vị thần, về các thể hệ xuất hiện trong thời gian ban đầu, tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc tạo lập thế giới cũng như việc tạo lập những nhân tố của nó – thiên nhiên và văn hóa.
- ❖ Thần thoại là một thể loại văn học dân gian, một thể sáng tạo nghệ thuật ngôn từ truyền miệng đầu tiên và không tự giác ra đời vào giai đoạn xã hội nguyên thủy đã phát triển từ hoang dã đến văn minh. Đó là một tập hợp những truyện kể dân gian về các vị thần, phản ánh quan niệm về thế giới tự nhiên và đời sống xã hội thời kì thị tộc, bộ lạc, biểu hiện nhu cầu nhận thức và những khát vọng tự nhiên về một cuộc sống tốt đẹp và có tính nhân bản. Thần thoại là minh chứng mở đầu khẳng định bản chất của văn học dân gian vừa là văn học vừa là văn hóa trong tính nguyên hợp điển hình (Giáo trình Văn học dân gian, NXB Giáo dục Việt Nam)
- ❖ Thần thoại là truyện kể xa xưa nhất, thể hiện quan niệm về vũ trụ và khát vọng chinh phục thế giới tự nhiên của con người thời nguyên thủy

2. NGUỒN GỐC – PHÂN LOẠI

	Thần thoại suy nguyên	Thần thoại sáng tạo
Nguồn gốc	- Từ thưở ban đầu con người chủ yếu dựa vào săn bắn, hái lượm. Hoàn toàn lệ thuộc vào thế giới	- Theo thời gian, để sinh tồn con người không ngừng tác động vào

	tự nhiên, chưa thể tách mình khỏi thế giới tự nhiên, tìm cách khai sự hỗn mang mờ mịt thác tự nhiên. - Lũ lụt, bão tố, động đất và sóng thần, bệnh tật, thú dữ con người ra quá trình tiến hóa thật sự lớn bất lực, sợ hãi kéo dài đến một lao về trình độ sản xuất và năng thời điểm nào đó sẽ tự đặt ra dấu lực tư duy. hỏi về thực tại, gắn liền với sự - Năng lực biểu tượng, sự phát sống và cái chết. triển ngôn ngữ của con người tự Nhu cầu sinh tồn nhiên từ ngôn ngữ tình cảm, ngôn Nhu cầu khám phá ngữ cử chỉ, động tác đến một thời Nhu cầu nhận thức điểm nhất định đã đem lại cho họ - Bước đầu của sự nguyên thủy, khả năng giao tiếp bằng tiếng nói. con người phỏng đoán bằng trí - Con người đã có thể giao tiếp tưởng tượng mơ hồ, vô thức với vạn vật, con người bắt đầu có - Trong trạng thái vô thức tập thể, tư duy đối chiếu giữa thần đất, con người thời nguyên thủy đã thần trời, thần sông, thần núi,... và nhân hóa tự nhiên, tất cả sự việc tưởng tượng thế giới nội tại của đều mang “linh hồn” (khởi nguồn con người và thế giới hiện hữu thuyết “vạn vật đều có linh hồn” ngoài kia. Họ sáng tạo ra các hình “ông khổng lồ chống trời” ảnh “ông khổng lồ chống trời” “bà khổng lồ săn mặt đất”,... - Từ đó nảy sinh ma thuật, tín Phản chiếu về hình ảnh của thế ngưỡng vật tổ, các loại thần linh giới loài người bên cạnh thần linh ngự trị thế gian Tư duy hình thiên nhiên tượng của con người Sự sùng bái, niềm tin lớn lao và khát vọng không cùng của họ.
--	---

Nội dung	Kể về nguồn gốc của vũ trụ và muôn loài	Kể về cuộc chinh phục thiên nhiên và sáng tạo văn hóa
-----------------	---	---

3. ĐẶC TRƯNG

- ❖ **Tính nguyên hợp:** Vừa là văn học vừa là văn hóa. Những tác phẩm văn học có trước, theo đó các yếu tố tín ngưỡng, phong tục, tập quán và nói chung là lối sống mới từ đó hình thành. Tư duy suy nguyên thần thoại với sự tham gia của trí tưởng tượng hoang đường thời kì đầu tiên đã chấp cánh cho những giấc mơ thần thoại đời sau trở nên tràn đầy khát vọng. Hai thế giới thực tại thiêng liêng bên cạnh thế giới của những anh hùng thần linh khác.
- ❖ **Cốt truyện đơn giản:** Đơn tuyến, tập trung vào một nhân vật hoặc một tổ hợp nhiều cốt truyện đơn (tạo thành một “hệ thần thoại”)
- ❖ **Nhân vật trung tâm** là các vị thần, những con người có nguồn gốc thần linh, siêu nhiên với hình dạng khổng lồ và sức mạnh phi thường. Chức năng của nhân vật trong thần thoại là cất nghĩa, lí giải các hiện tượng tự nhiên và đời sống xã hội, thể hiện niềm tin của con người cổ sơ cũng như khát vọng tinh thần có ý nghĩa lâu dài của nhân loại
- ❖ **Nghệ thuật:** Không gian vũ trụ, nhiều cõi, thời gian phiếm chỉ, ước lệ, tư duy hồn nhiên, tính lãng mạn, bay bổng.

II. SỬ THI

1. KHÁI NIỆM

Nghĩa rộng: Là một thể loại tự sự, một trong ba thể loại văn học để phân biệt với kịch hay trữ tình

Nghĩa hẹp: Chỉ một hoặc một nhóm thể loại trong tự sự, xác định là sử thi anh hùng – những thiên tự sự kể về quá khứ anh hùng, về đời sống nhân dân, về anh hùng hoặc dũng sĩ tiêu biểu cho một thế giới sử thi

(Giáo trình VHDG Việt Nam, NXB Giáo dục)

Là tác phẩm **tự sự dân gian** có **qui mô lớn**, sử dụng **ngôn ngữ có vần, nhịp**, xây dựng những hình tượng nghệ thuật **hoành tráng**, **hào hùng** để kể về một hoặc nhiều biến cố lớn diễn ra trong đời sống **cộng đồng của cư dân thời cổ đại**

2. PHÂN LOẠI

SỬ THI ANH HÙNG	SỬ THI CỔ SƠ	SỬ THI LIÊN HOÀN
SỬ THI THẦN THOẠI	SỬ THI CỔ ĐIỂN	SỬ THI ĐƠN LỄ

a. Sử thi thần thoại

Đi vào đề tài chính của thần thoại như sự hình thành vũ trụ, sự ra đời của muôn loài, nguồn gốc dân tộc, sự sáng tạo văn hóa

b. Sử thi anh hùng

Miêu tả nghề nghiệp và chiến công của người anh hùng trong khung cảnh những sự kiện lớn, có ý nghĩa quan trọng đối với toàn thể cộng đồng.

3. ĐẶC TRƯNG

a. Tính truyền thống

- Pho lịch sử, cuốn bách khoa toàn thư của dân tộc
- Sử dụng nhiều ngữ liệu cổ, ngôn ngữ xuất hiện từ xưa, nhiều điển tích và điển cố
- Người anh hùng mang phẩm chất của cả cộng đồng

b. Tính bao quát

- Sử thi thể hiện các nội dung
- + **Chiến tranh**: Xung đột giữa các bộ tộc và vấn đề mở rộng lãnh thổ
- + **Lao động**: Công xã nguyên thủy. Công việc chính là: Tạo lập cuộc sống, xây dựng bản làng, tổ chức sản xuất.

+ **Hôn nhân**: Chuyển đổi chế độ bỏ chế độ Mẫu hệ.

- Sử Thi tránh miêu tả sự kiện có thật, phản ánh khái quát lịch sử. Sử thi anh hùng ca là sự phản ánh việc giác ngộ của cái tập thể nhân dân đang được hình thành đó.

c. Tính diễn xướng

- Thể hiện sức mạnh cộng đồng trong các nghi lễ sinh hoạt chung
- Không khí sử thi hào hùng, hoành tráng

d. Tính trường thiên, văn vắn

- Sử thi có dung lượng lớn, câu chuyện về sức mạnh của một người anh hùng hay của những người anh hùng trong cộng đồng

III. SO SÁNH THẦN THOẠI VÀ SỬ THI

	Thần thoại	Sử thi
Không gian	Không gian vũ trụ nguyên sơ, có khi được chia thành các cõi: Cõi trời, cõi đất, cõi nước. Ba cõi này không chia tách thành ba thế giới riêng biệt mà luôn biến chuyển, liên thông với nhau.	Không gian cộng đồng, bao gồm: không gian thiên nhiên, không gian xã hội.
Thời gian	Thời gian quá khứ, không được xác định cụ thể VD: Thuở mới hình thành đất trời, chưa có loài người,...	Thời gian trong sử thi là thời gian quá khứ trải qua nhiều biến cố, thời gian gắn với lịch sử cộng đồng của mỗi dân tộc, bộ lạc, chế độ.
Cốt truyện	Chuỗi sự kiện (biến cố) được sắp xếp theo một trình tự nhất định: cái này tiếp cái kia, xô đẩy nhau buộc phải giải quyết, giải quyết xong thì truyện dừng lại	

Nhân vật	Có hình dạng và hành động phi thường, có khả năng biến hóa khôn lường	Nhân vật anh hùng trong sử thi có sức mạnh, có tài năng, phẩm chất và vẻ đẹp phi thường, dũng cảm xả thân vì cộng đồng trong chiến đấu chống kẻ thù và chinh phục tự nhiên
Lời kể chuyện	Lời người kể chuyện là lời của người thuật lại câu chuyện	
Lời nhân vật	Lời nhân vật là lời nói trực tiếp của nhân vật	

KĨ NĂNG ĐỌC THẦN THOẠI VÀ SỬ THI

VĂN BẢN 1. HÊ – RA – CLET ĐI TÌM TÁO VÀNG (THẦN THOẠI HI LẠP)

MỤC TIÊU SAU KHI ĐỌC

- ❖ **Học sinh tóm tắt** được nội dung chính của toàn bộ văn bản theo chuỗi các sự kiện
- ❖ **Học sinh vận dụng** tri thức về thần thoại, học sinh sẽ:
 - + **Chỉ ra** được những chi tiết tưởng tượng, hoang đường của truyện và **nêu** được ý nghĩa của các chi tiết ấy
 - + **Phân tích** được đặc điểm của nhân vật Hê – ra – clet qua từng sự việc và các hành động cụ thể
 - + **Đánh giá** được nhận thức và cách lí giải của con người cổ đại về hình tượng người anh hùng Hê – ra – clet
- ❖ **Học sinh vận dụng** tri thức về thần thoại và trải nghiệm văn học, học sinh sẽ liên hệ, kết nối với kinh nghiệm sống của bản thân để hiểu thêm ý nghĩa câu chuyện.

NỘI DUNG KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

I. THẦN THOẠI HI LẠP

1. Khái quát: Ý thức hệ trong thần thoại là ý thức hệ thần linh chủ nghĩa. Những sinh vật, những hiện tượng tự nhiên và cả những vật thể vô tri, vô giác mà con người không hiểu nổi đều được gán cho một sức sống, một sức mạnh thần bí nào đó. Xã hội Hi Lạp phát triển sớm, có nền văn minh rực rỡ nên thần thoại Hi Lạp còn thể hiện một trình độ tư duy cao, cả về nội dung nhân văn, ý nghĩa triết lí cũng như về hình thức kết cấu, nghệ thuật biểu hiện

2. Các loại thần thoại Hi Lạp:

- + Thần thoại về các gia hệ thần
- + Thần thoại về các thành bang
- + Thần thoại về các anh hùng

Các loại thần thoại này cùng có chung một số điểm cơ bản như đều thấm nhuần thế giới quan thần linh chủ nghĩa, đều thông qua thế giới quan này mà phản ánh hiện thực cuộc sống, tư tưởng và tình cảm của người Hi Lạp cổ đại.

Thần thoại về các gia hệ thần	Bao gồm các sự tích về các gia đình và thế hệ thần linh được sáng tác nhằm mục đích giải thích thế giới khách quan
Thần thoại về các thành bang	- Bước phát triển ở mức độ cao hơn của tư duy người Hi Lạp cổ đại trên cơ sở sự phát triển của cuộc sống xã hội. Đó là sự ra đời của các tổ chức thành bang. Cơ cấu tổ chức xã hội này khác với đời sống của xã hội thị tộc nên có sự thay đổi trong cách nhìn, cách nghĩ

	- Ra đời xuất phát từ yêu cầu dựng nước và giữ nước cho nên mang một nội dung mới: Sự tích các thành bang giải thích nguồn gốc, phản ánh phong tục tập quán của các thành bang đồng thời ca ngợi người anh hùng ưu tú toàn tâm, toàn ý phục vụ lợi ích thành bang
Thần thoại về các anh hùng	- Có mối quan hệ khá chặt chẽ với hai loại trên. Các vị thần thường bảo trợ các anh hùng hoặc có khi người anh hùng vì một lí do nào đó cũng bị thần linh hãm hại. Ngược lại, người anh hùng có khi giao du cả với thần thánh, có khi được trở thành vị thần bất tử, có khi tham dự vào các sự kiện trọng đại,.. - Đôi khi thần thoại về một thành bang nào đó lại gắn liền với thần thoại anh hùng của thành bang

3. Giá trị nội dung:

- + Hình ảnh của cuộc sống lao động và hoạt động văn hóa của người Hi Lạp cổ trước khi có chữ viết (như thuần hóa bò rừng làm công cụ lao động,..)
- + Con người chiến đấu gian khổ với tự nhiên và chinh phục thiên nhiên, bắt thiên nhiên phải phục vụ cho mình.
- + Chống lại các thế lực thù địch xâm lăng, chống lại những tên vua chúa tàn bạo
- + Thực tế sinh hoạt xã hội với những phong tục tập quán của người Hi Lạp trong xã hội cộng đồng thị tộc

- + Mối quan hệ giữa những người trong thị tộc: Sống dựa vào nhau, đùm bọc giúp đỡ lẫn nhau, sự thay đổi tình cảm chiếm của chung thành của riêng, nền móng cho xã hội giai cấp sau này.
- + Phản ánh đời sống tình cảm, triết học duy vật và duy tâm luôn xen kẽ
- + Biểu dương những vị thần tích cực, và phê phán những vị thần tiêu cực
- + Công bằng đạo lý, trừng phạt những kẻ có tội, trân trọng những điều mang lại lợi ích cho xã hội loài người
- + Ca ngợi tình cảm tốt đẹp của con người (Tình yêu quê hương đất nước, tình mẫu tử, tình, tình vợ chồng son sắt thủy chung,...)

4. Giá trị nghệ thuật – Yếu tố lãng mạn:

- + Thần thoại có khả năng tiên đoán về khả năng lao động thần kì của con người, mọi công việc lao động, chiến đấu nặng nhọc đều được lãng mạn hóa trở nên nhẹ nhàng
- Gửi gắm mơ ước lao động nhưng dùng ít sức lực mà vẫn đạt hiệu quả cao của con người.
- + Ước mơ về một thế giới hạnh phúc, sung sướng hoàn toàn (trẻ mãi, đẹp mãi và sống trong hạnh phúc lứa đôi)
- + Đánh giá quan điểm nghệ thuật: Nghệ thuật phải phục vụ chiến đấu, phục vụ lao động và phục vụ cho cuộc sống của con người.
- + Vẻ đẹp đầy chất thơ trong thần thoại Hi Lạp: Cuộc sống hòa hợp giữa con người với thiên nhiên, cảnh sinh hoạt thanh bình của con người
- + Mác “*Không có thần thoại Hi Lạp thì không có nghệ thuật Hi Lạp. Thần thoại Hi Lạp không những là kho vũ khí mà còn là mảnh đất bồi dưỡng nghệ thuật Hi Lạp*”

+ Gorki “*Một công trình dệt gấm vóc bằng từ ngữ, xuất hiện từ thời tối cổ, những sợi tơ muôn màu của nó lan khắp bốn phương, phủ lên trái đất một tấm thảm từ ngữ đẹp lạ lùng*”

II. VĂN BẢN “HÊ – RA – CLET ĐI TÌM TÁO VÀNG”

1. Tóm tắt – Bố cục của văn bản Hê – ra – clet đi tìm táo vàng

Phần	Sự kiện	Thử thách
1	Giới thiệu các thử thách Ở – ri – xte giao cho Hê – ra – cleta phải đoạt được những quả táo vàng của những tiên nữ E – xpe – rít	- Cây táo vàng là của nữ thần Đất Gai – Gai – a đem cây táo tặng cho nữ thần Hê – ra làm quà mừng cưới Hê ra và Dớt - Hê – ra đem cây táo ở khu vườn nghiêm cách không xa nơi thần Át – lát giờ vai chống đội bầu trời - Hê – ra giao khu vườn cho một con rồng tên là La – đông (có một trăm cái đầu, không bao giờ ngủ và mất lúc nào cũng trùng trùng) canh giữ - Hê – ra còn giao cho ba chị em tiên nữ Nanh – phơ (Nymphe) có một cái tên gọi chung là E – xpe – rit (tiên nữ Chiều Hôm) canh giữ
2	Cuộc giao đấu giữa Hê – ra – clet và Ăng – tê	- Ba lần Hê – ra – clet quật Ăng – tê ngã xuống đất, tưởng Ăng – tê chết vậy mà thoáng một cái Ăng – tê lại bật dậy (Vì Ăng – tê có là bùa hộ mệnh từ Gai

		– a luôn tiếp sức cho đứa con của mình) - Hê – ra – clet tìm được bí mật đó, lừa cho Ăng- tê sơ hở liền gồng mình nhấc bổng Ăng – tê lên cho chân lìa khỏi mặt đất rồi xoay ngược đầu Ăng – tê xuống - Ăng – tê chết thật và Đất mẹ Gai – a phải chấp nhận cái chết của đứa con trước sức mạnh từ đôi tay rắn chắc của Hê – ra – clet
3	Hê – ra – clet cứu ân nhân của loài người là Pro – mê – tê	- Pro – mê – tê hứng chịu cực hình của Dớt qua bao thế kỉ và không chịu khuất phục Ý nghĩa của hình ảnh này: Khát vọng tự do, nhân nghĩa, chủ nghĩa anh hùng thời đại. Lúc này bị xiềng xích bó buộc bởi chế độ độc tài chuyên chế (Hình tượng Dớt) Xem phụ lục và tài liệu tham khảo - Hê – ra – clet đến, leo lên đỉnh núi, giương cung và buông dây, con đại bàng rơi xuống đất chết - Hê – ra – clet chạy lại chặt tung xiềng xích giải phóng cho Pro – mê – tê - Đền ơn người anh hùng đã giải phóng cho mình, Pro – mê – tê nói cho Hê – ra – clet biết chàng không thể tự tay hái

		lấy những quả táo vàng mà phải nhờ tay thần Át – lát mới xong
4	Hê – ra – clet vượt qua thử thách của thần Át lát và lấy được táo vàng	- Hê – ra – clet đối thoại với thần Át – lát, chống đỡ trời hộ thần Át – lát để thần đi lấy những quả táo vàng - Trời quá nặng nhưng nữ thần Athena luôn bên cạnh để hỗ trợ Hê – ra – clet - Thần Át – lát lừa Hê – ra – clet để mình tận tay đem những quả táo vàng đến cho vua O – ri – xte nhưng Hê – ra – clet đâu dễ bị lừa, chàng nhờ thần Át lát đỡ cho chàng một lát để kiểm tằm áo, miếng da lót vào vai cho đỡ đau. - Át lát tin và đã đỡ hộ Hê ra clet và cuối cùng chàng đã lấy được ba quả táo vàng.

TÓM TẮT CÁC THỬ THÁCH MÀ HERACLET PHẢI TRẢI QUA

- ❖ Hê – ra – clet con riêng của thần Dớt, bị nữ thần Hê ra hãm hại, sai hai con rắn lớn trườn vào để cắn chết cậu bé. Hê – ra – clet mới 10 tháng tuổi mà bóp chết hai con rắn
- ❖ Lớn lên Hê – ra – clet chăn gia súc, luyện võ nghệ, diệt trừ quái vật, lập công và được vua thành Tê – bê gả con gái cho
- ❖ Nữ thần Hê – ra lại dùng phép cho Hê – ra – clet hóa điên giết vợ con, yêu cầu Dớt trừng phạt Hê – ra – clet tội giết người, Hê – ra – clet phải làm đầy tớ 12 năm cho vua O – ri – xte (Ông vua hèn nhát và ốm yếu)
- ❖ Hê – ra – clet đã lập 12 chiến công:
 - Giết con sư tử ở Nê – mê
 - Giết mãng xà Hi dro ở Léc – npw

- Bắt sống bò mộng ở đảo Cret
- **Chiến công cuối: Đi tìm táo vàng**
 - **Giao đấu với hai cha con thần chiến tranh A – rét**
 - **Tìm thần biển Nê – rê để hỏi đường**
 - **Đi ngược lên cực Bắc, đi băng qua sa mạc như thiêu đốt**
 - **Chiến đấu với gã khổng lồ Ăng – tê**
 - **Đặt chân lên đất Ai Cập, suýt bị vua Ai Cập làm vật hiến tế nhưng thoát nạn**
 - **Cứu thần Pro – mê – tê**
 - **Đấu trí với thần Át – lát để lấy được ba quả táo vàng**

2. Ý nghĩa của những chi tiết hoang đường, tưởng tượng trong đoạn trích

STT	Chi tiết	Ý nghĩa
1	Con Rồng Ladon có một trăm cái đầu (có lời đồn là có một cái đầu nhưng không bao giờ ngủ)	Nhiệm vụ canh giữ, bên cạnh các vị thần cũng có cả những thế lực siêu nhiên khác làm tăng sự khó khăn trong các thách thức của Hê – ra – clet Làm cho câu chuyện thêm li kì hấp dẫn
2	Tên khổng lồ độc ác Ăng tê được đất mẹ Gai – a tiếp sức, chân chạm đất là có thể lập tức đứng dậy sau những cú ngã	Tăng thêm các thử thách khó khăn của Hê – ra – clet Làm cho câu chuyện thêm li kì hấp dẫn
3	Thần Dớt bắt nhốt thần Pro-mê-tê, cho một con đại bàng mổ quắp móng nhọn ngày ngày tới ăn gan, nhưng gan của Pro – mê – tê là bất tử, ban ngày bị ác điều ăn	Sự hồi sinh bất diệt của chính nghĩa, tự do và công bằng. Thần có lá gan vô cùng mạnh mẽ, luôn sẵn

	đi thì ban đêm lại mọc lại nguyên vẹn, tươi mới	sàng chống chọi với những thử thách, khó khăn và phục hồi.
4	Át lát khom lưng giơ vai chống đội bầu trời, đầu cúi gục, nhọc nhằn, mệt mỏi Hê – ra – clet giơ tay chống bầu trời và được sự trợ giúp từ thần A – tê – na lúc nào cũng ở bên người con trai yêu quý của thần Dớt để giúp đỡ. Nhờ thế, Hê – ra – clet giữ được cho đến khi Át – lát trở về	Sự hình thành các cõi, lí giải sự hình thành Trái Đất do thần Át lát mang trên vai cả địa cầu Lí giải vì sao tập bản đồ nhiều nơi gọi là Át lát

3. Phân tích nhân vật Hê – ra – clet trong đoạn trích

a. Hê – ra – clet là người có sức mạnh phi thường hơn người. giàu ý chí nghị lực

Hành trình vượt qua những khó khăn và đặc biệt là hành trình đi tìm tảo vàng của Hê – ra – clet. Vượt qua những khó khăn thử thách: Diệt được tên khổng lồ độc ác Ăng tê, Cứu được thần Pro – mê – tê và chống được trời hộ thần Át – lát

b. Hê – ra – clet là người thông minh, tài trí

- Lần thứ nhất: Giao đấu với Ăng tê khi không thể hạ gục được hắn, chàng đã phát hiện ra được Ăng tê được đất mẹ Gai – a trợ giúp. Vì vậy, chàng đã quay ngược đầu hắn xuống đất và dễ dàng đánh bại Ăng tê

- Lần thứ hai khi phát hiện ra âm mưu của thần Át lát định trao sứ mệnh đỡ bầu trời cho chàng, chàng đã tương kế tựu kế, nhờ thần chống trời một lúc để chuẩn bị áo, da lột lên vai sau đó nhanh nhẹn chối từ nhiệm vụ.

c. Hê – ra – clet là người dũng cảm và coi trọng chính nghĩa

Khi thấy thần Pro – mê – tê bị tra tấn hành hạ dã man, chàng đã sẵn sàng bắn chết con đại bàng và dùng sức mạnh để cứu thần Pro – mê – tê

4. Nhận thức và quan điểm của người cổ đại được thể hiện qua đoạn trích

- Đoạn trích trên phản ánh nhận thức và cách lí giải của con người thời cổ đại về: Nguồn gốc của loài người, nguồn gốc của lửa (loài người là do thần Prô - mê - tê tạo ra, lửa cũng là do thần Prô-mê-tê lấy cắp của thần Dớt mang đến cho loài người). Nguồn gốc về địa cầu (Thần Át lát chống trời)
- Ngày nay, câu chuyện Hê-ra-clét đi tìm táo vàng vẫn có sức hấp dẫn đặc biệt bởi sự li kì trong từng thử thách dành cho nhân vật, bởi những yếu tố kì ảo đậm nét, bởi sự khắc họa hình ảnh nhân vật người anh hùng với sự hội tụ của nhiều vẻ đẹp..

5. Điển tích, điển cố được thể hiện trong đoạn trích

- Câu chuyện thần Át-lát đỡ bầu trời đã thành biểu tượng văn hóa của loài người. Bức tượng người đàn ông lực lưỡng một chân quỳ xuống đất, hai tay đỡ bầu trời trên vai được tạo tạc và xuất hiện ở nhiều nơi trên thế giới.
- Thần Prô-mê-tê cũng là một biểu tượng văn hóa, đại diện cho bình minh của nền văn minh loài người: Đã tạo ra loài người đầu tiên bằng đất sét và giúp loài người rất nhiều. Thành tựu lớn nhất của Prô-mê-tê là lấy trộm lửa của thần Dớt đưa cho loài người, từ đó loài người mới có lửa để nấu nướng, sinh hoạt, phát triển nền văn minh.

VĂN BẢN 2. ĐOẠN TRÍCH SỬ THI ĐĂM SĂN CHIẾN THẮNG MTAO - MXAY

MỤC TIÊU SAU KHI ĐỌC

1. **Học sinh nêu** một số thông tin về tác giả và tác phẩm
2. **Học sinh xác định** sự kiện chính, lời kể chuyện, lời nhân vật và các chi tiết thần kì trong tác phẩm
3. **Học sinh phân tích** được hình tượng người anh hùng Đăm Săn với những đặc điểm nổi bật và trong mối tương quan với nhân vật Mtao Mxay

4. **Học sinh nêu và phân tích** được ít nhất một biện pháp nghệ thuật tiêu biểu trong văn bản
5. **Học sinh phân tích** được một số câu nói và hành động của dân làng trước chiến thắng của Đăm Săn để làm rõ tình cảm của cộng đồng Ê – đê đối với người anh hùng.
6. **Học sinh chứng minh** được những nét đặc sắc của Sử thi được thể hiện trong đoạn trích
7. **Học sinh minh họa** được trận chiến giữa Đăm Săn và Mtao Mxay bằng các hình thức khác nhau (vẽ tranh, diễn kịch, đoạn văn miêu tả,...)
8. **Học sinh phân tích** ý nghĩa của đoạn trích và **liên hệ** ý nghĩa đó với cuộc sống ngày nay.

NỘI DUNG KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

1. Một số thông tin về tác giả và tác phẩm

a. Sử thi Tây Nguyên

Đôi nét về Tây Nguyên

- Bao gồm 5 tỉnh: Gia Lai, Kon Tum, Lâm Đồng, Đắk Nông, Đắk Lắk

- Đặc điểm Tây Nguyên

+ Tiểu vùng văn hóa – xã hội – lịch sử

+ Xung đột & di cư của nhiều bộ tộc

+ Đời sống nương rẫy, gắn với thiên nhiên

+ Đời sống tín ngưỡng, phong tục phong phú

Điều kiện ra đời kho tàng thần thoại, sử thi, cổ tích,.. phong phú

- Tác phẩm sử thi riêng rẽ, độ dài vừa phải như Đăm San (2077 câu), Kinh Dú (5880 câu)

- Sử thi liên hoàn, gồm nhiều tác phẩm, liên quan với nhau về nhân vật, chủ thể, phong cách thể hiện, như các sử thi: Ôt Drông của người Mnông, Đông của người Ba Na và Dăm Đông của người Xê Đăng. Mỗi bộ sử thi liên hoàn này gồm khoảng 100 tác phẩm có sự liên kết khá hoàn chỉnh

b. Sử thi Dăm Săn

*** Xuất xứ**

- Tên Ê Đê: Klei Khan Dăm Săn
- 1923 – 1914: S.Sabatier phát hiện dịch ra tiếng Pháp
- 1959: NXB Văn hóa xuất bản “Chuyện chàng Dăm Săn”
- 1988: Bản dịch của Nguyễn Hữu Thấu

*** Tóm tắt**

- Dăm Săn lấy vợ là Hơ Nhị và Hơ Bhi. Trở thành tộc trưởng lưng lầy
- Dăm Săn chiến đấu chiến thắng tù trưởng Mtao Gru và Mtao Mxay
- Dăm Săn đi cầu hôn nữ thần Mặt Trời

*** Nội dung ý nghĩa**

- Khát vọng tự do: Niềm vui của người anh hùng là chiến thắng trong cuộc chiến vì danh dự, hạnh phúc và thịnh vượng
- Khát vọng chinh phục tự nhiên: Khát vọng lớn nhất là chinh phục được tự nhiên (Nữ Thần Mặt Trời)

c. Đoạn trích “Chiến thắng Mtao Mxay”

Nằm ở phần 2: Giao chiến với các tộc trưởng khác, khi Mtao Mxay bắt vợ của Dăm Săn, chàng đã tới tận nhà Mtao Mxay để thách đấu, giao chiến

+ Phần 1: Giao chiến với Mtao Mxay qua các hiệp

+ Phần 2: Cảnh ăn mừng chiến thắng

2. Sự kiện chính – Lời kể chuyện – Lời nhân vật – Các chi tiết thần kì

Sự kiện chính	- Đăm Săn và Mtao Mxay giao chiến + Đăm Săn thách đấu Mtao Mxay + Mtao Mxay múa khiên – đâm không trúng Đăm Săn + Đăm Săn múa khiên – đâm không trúng Mtao Mxay + Đăm Săn được Hơ Nhị ném miếng trầu và được sự giúp đỡ của ông trời + Đăm Săn chặt đầu Mtao Mxay và chiến thắng - Đăm Săn thuyết phục tôi tớ của Mtao Mxay theo mình - Đăm Săn ăn mừng chiến thắng cùng dân làng
Lời kể chuyện	Ngôi kể thứ 3 – Người đứng bên ngoài kể lại sự việc
Lời nhân vật	Đăm Săn, Mtao Mxay, Ông Trời, Dân trong nhà, Dân làng và Tôi tớ (Có trích dẫn lời thoại bằng gạch đầu dòng và in đậm lời nhân vật ở đầu)
Các chi tiết thần kì	- Đăm Săn múa khiên “<i>Một lần xốc tới, chàng vượt một đồi tranh. Một lần xốc tới nữa, chàng vượt một đồi lồ ô. Chàng chạy vun vút qua phía đông, vun vút qua phía tây. Còn Mtao Mxây thì bước cao bước thấp chạy hết bãi tây sang bãi đông. Hấn vung dao chém phạt một cái, nhưng chỉ vừa trúng một cái chảo cột trâu...</i>” “<i>...Chàng múa trên cao gió như bão. Chàng múa dưới thấp gió như lốc. Chồi lẫm đổ lẫm lốc. Cây cối chết rụi... Khi chàng múa chạy nước kiệu, quả núi ba lần rạn nứt, ba đồi tranh bật rễ tung bay....</i>” - Ông Trời giúp đỡ Đăm Săn, Đăm Săn nằm mơ thấy ông Trời chỉ cho cách có thể chiến thắng được Mtao Mxay

	- Hình ảnh miêu tả Đăm Săn trong bữa tiệc “ <i>Tóc thả trên sàn nhà, bắt chân to bằng cây xà ngang, bắt đùi to bằng ống bễ</i> ” “ <i>Bắt chân chàng to bằng cây xà ngang, bắt đùi chàng to bằng ống bễ, sức chàng ngang sức voi đực...trong bụng mẹ</i> ”
--	---

3. Hình ảnh người anh hùng Đăm Săn

a. Những phẩm chất tiêu biểu của người anh hùng

❖ **Mạnh mẽ dứt khoát và trọng danh dự**

- Đăm Săn chiến đấu với Mtao Mxay không chỉ vì bị mất vợ mà đó còn là danh dự của bộ tộc, mở rộng lãnh thổ bộ tộc mình
- Thái độ quyết chiến đầy thách thức “*O diêng, ơ diêng, xuống đây! Ta thách nhà ngươi đọ dao với ta đây!*”
- Mạnh mẽ khiêu chiến, dẫn chứng bằng những hành động dũng mãnh: lấy sào hiên bỏ đôi, lấy cầu thang chẻ ra kéo lửa, hun nhà ngươi cho mà xem!
- Nghĩa khí “*Ngươi xem đến con lợn nái của nhà ngươi dưới đất ta cũng không thềm đâm nữa là*” “*Đến con trâu của nhà ngươi trong chuồng ta cũng không thềm đâm nữa là*”

❖ **Có sức khỏe và tài năng phi thường**

- Đăm Săn bình tĩnh thản nhiên, không nao núng
- Đăm Săn múa khiên, mỗi lần xóc khiên là vượt một đôi tranh, vượt một đôi lồ ô , “*vun vút qua phía đông, vun vút qua phía tây*”
- Đăm Săn lại múa khiên, múa trên cao “**gió như bão**”, múa dưới thấp “**gió như lộc**” ...Múa nước kiệu “**quả núi ba lần rạn nứt**” “**ba đôi tranh bật rễ bay tung**”
- Không nghe lời cầu xin của Mtao Mxay mà dứt khoát chém đầu kẻ thù

❖ Luôn vì lợi ích cộng đồng, tôn trọng dân làng

- Ba lần Đăm Săn kêu gọi thì cả ba lần dân làng Mtao Mxây đều hưởng ứng (ba tượng trưng cho số nhiều): ***“Không đi sao được...”*** Họ nhất trí xem Đăm Săn là tù trưởng, là anh hùng của họ.
- Lời nói của dân làng qua ba lần đối đáp có sự biến đổi, phát triển Sự thần phục, lòng trung thành tuyệt đối của dân làng Mtao Mxây với Đăm Săn.
- Mọi người cùng nhau ra về theo Đăm Săn, đông vui như hội: ***“Đoàn người đông như bày cà tong... công nước.”***

Thể hiện sự thống nhất cao độ giữa quyền lợi, khát vọng của cá nhân người anh hùng với cộng đồng, bộ tộc đồng thời cũng thể hiện lòng yêu mến, sự tuân phục của tập thể cộng đồng với cá nhân người anh hùng – nhân vật kết tinh vẻ đẹp của cộng đồng.

❖ Tù trưởng quyền uy, hoàn mỹ cả hình thể lẫn nhân cách

Trang phục	Mình khoác một tấm áo chiến, tai đeo nụ, đủ giáo gươm
Ngoại hình	- <i>“Là một dũng tướng chắc chết mười mươi cũng không lùi bước...”</i> - <i>“Tóc thả trên sàn nhà, bấp chân to bằng cây xà ngang, bấp đùi to bằng ống bễ”</i> - <i>“Bấp chân chàng to bằng cây xà ngang, bấp đùi chàng to bằng ống bễ, sức chàng ngang sức voi đực...trong bụng mẹ”</i>
Hành động	- Nói với tôi tớ tự hào, tự tin về sức mạnh của bản thân và sự giàu có của thị tộc.

	- Ra lệnh nổi nhiều loại công chiêng thể hiện sức mạnh của người anh hùng và sự giàu có của thị tộc - Ăn không biết no, uống không biết say, chuyện trò không biết chán “<i>Uống không biết say, ăn không biết no, chuyện trò không biết chán</i>”.
--	--

b. So sánh với hình ảnh Mtao Mxay

❖ Lời khiêu chiến của Đăm Săn

ĐĂM SĂN	MTAO - MXAY
- Thái độ quyết chiến đầy thách thức “<i>Ơ diêng, ơ diêng, xuống đây! Ta thách nhà ngươi đọ dao với ta đây!</i>” - Mạnh mẽ khiêu chiến, dẫn chứng bằng những hành động dũng mãnh: lấy sào hiên bỏ đôi, lấy cầu thang chẻ ra kéo lửa, hun nhà ngươi cho mà xem! - Nghĩa khí “<i>Ngươi xem đến con lợn nái của nhà ngươi dưới đất ta cũng không thềm đâm nữa là</i>” “<i>Đến con trâu của nhà ngươi trong chuồng ta cũng không thềm đâm nữa là</i>” Mạnh mẽ, dứt khoát	- Mía mai Đăm Săn “<i>Tay ta đang còn bận ôm vợ hai chúng ta ở trên nhà này cơ mà</i>” - Lo lắng, sợ bị đâm lén, nhắc đến hai lần Đăm Săn không được đâm khi hắn đang xuống “<i>Ngươi không được đâm ta khi ta đang xuống đó, nghe!</i>” “<i>Ta sợ ngươi đâm ta khi ta đang đi lăm</i>” - “<i>Dáng tần ngần do dự, mỗi bước mỗi đắn đo, giữa một đám đông mật mù như trong sương sớm</i>” Hèn nhát

❖ Các hiệp đấu

HIỆP 1

“ Ta như gà làng mới mọc cựa kile, như gà rừng mới mọc cựa êcham chưa ai dẫm mà đã gãy mất cánh. Có cậu ta học cậu, có bác ta học bác. Có thần Rồng ta học thần rồng. Thế người không biết ta đây là một tướng đã quen đi đánh thiên hạ, bắt tù binh, đã quen đi xéo nát đất đai thiên hạ hay sao?... ”

ĐẶM SẴN

- Đăm Săn bình tĩnh thản nhiên, không nao núng
- Đăm Săn múa khiên, mỗi lần xóc khiên là vượt một đồi tranh, vượt một đồi lồ ô , “vun vút qua phía đông, vun vút qua phía tây”

Tài năng phi thường, sức khỏe hơn người.

MTAO MXAY

- Tự nhận bản thân là người kém cỏi, không dám múa trước.
- Múa khiên “*Kêu lạch cạch như quả mướp khô*”.
- Kiêu căng ngạo mạn, khoe khoang “*Thế người không biết ta đây là một tướng đã quen đi đánh thiên hạ, bắt tù binh, đã quen đi xéo nát đất đai thiên hạ hay sao?*”.
- “*Bước cao bước thấp chạy hết bãi tây sang bãi đông*”.

Kém cỏi lại hèn nhát.

HIỆP 2

“Một lần xóc tới, chàng vượt một đồi tranh. Một lần xóc tới nữa, chàng vượt một đồi lồ ô. Chàng chạy vun vút qua phía đông, vun vút qua phía tây. Còn Mtao Mxây thì bước cao bước thấp chạy hết bãi tây sang bãi đông. Hấn vun dao chém phạt một cái, nhưng chỉ vừa trúng một cái chảo cột trâu...”

ĐẶM SẴN

MTAO – MXAY

- Nhai được miếng trầu mà Hơ Nhị quăng cho nên sức tăng lên gấp bội, đuổi đánh Mtao Mxây - Đăm Săn lại múa khiên, múa trên cao “<i>gió như bão</i>”, múa dưới thấp “<i>gió như lốc</i>” ...Múa nước kiệu “<i>quả núi ba lần rạn nứt</i>” “<i>ba đôi tranh bật rẽ bay tung</i>” Sức mạnh phi thường	- Giơ khiên định đâm Đăm Săn nhưng lại đâm trượt vào cột trầu.
--	--

HIỆP 3

“...Chàng múa trên cao gió như bão. Chàng múa dưới thấp gió như lốc. Chối lắt đổ lăn lóc. Cây cối chết rụi... Khi chàng múa chạy nước kiệu, quả núi ba lần rạn nứt, ba đôi tranh bật rẽ tung bay....”

ĐĂM SĂN

- Khi thấm mệt, được Ông Trời báo mộng đâm vào vành tay Mtao Mxây và đã đâm trúng.

- Đâm trúng vành tai của Mtao – Mxay

MTAO – MXAY

- Do sự bảo hộ của giáp sắt, mấy lần Đăm Săn đâm đều không trúng

- Khi bị đâm trúng vành tai, áo giáp rơi thì hoảng sợ bỏ chạy, chạy đến đâu bị Đăm Săn đuổi đến đấy. Mệt đến nổi rồi ngã quay ra đất

HIỆP 4

“...Cái giáp của Mtao Mxây tức thì rơi loảng xoảng. Mtao Mxây tháo chạy như chó. Hấn tránh quanh chuồng lợn, Đăm Săn phá tan chuồng lợn. Hấn tránh

quanh chuồng trâu, Đăm Săn phá tan chuồng trâu. Cuối cùng hắn ngã lăn quay ra đất...

"Ơ diêng, ơ diêng, để ta làm lễ cầu phúc cho diêng một trâu! Ta cho diêng thêm một voi"

ĐĂM SĂN

- Không nghe sự cầu xin trực tiếp cắt đầu kẻ địch, đem bêu ngoài đường

Dũng mãnh, nghĩa khí, mạnh mẽ phi thường, xứng đáng đại diện cho cả cộng đồng

MTAO – MXAY

- Khi bị đâm trúng vành tai, áo giáp rơi thì hoảng sợ bỏ chạy, chạy đến đâu bị Đăm Săn đuổi đến đấy. Mệt đến nổi rồi ngã quay ra đất

- Cầu xin tha mạng “ta làm lễ cầu phúc cho diêng một trâu! Ta cho thêm diêng một voi”

- Kém cỏi, sợ chết, yếu thế

Đầu bị đem bêu ngoài đường

4. Một số biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong đoạn trích

So sánh	“...Chàng múa trên cao gió như bão. Chàng múa dưới thấp gió như lốc. Chồi lầm đổ lăn lóc. Cây cối chết rụi... Khi chàng múa chạy nước kiệu, quả núi ba lần rạn nứt, ba đồi tranh bật rễ tung bay....”	- Vẻ đẹp lãng mạn của người anh hùng - Tăng thêm tính sử thi hào hùng, hoành tráng cho tác phẩm
Phóng đại	“Một lần xốc tới, chàng vượt một đồi tranh. Một lần xốc tới nữa, chàng vượt một đồi lồ ô. Chàng chạy vun vút qua phía đông, vun vút qua phía tây...”	- Nổi bật sức mạnh của Đăm Săn và tài năng của người anh hùng

Đối lập	Tương phản	– <i>Chàng chạy vun vút qua phía đông, vun vút qua phía tây. Còn Mtao Mxây thì bước cao bước thấp chạy hết bãi tây sang bãi đông</i>	Làm nổi bật sức mạnh của Đăm Săn trong việc so sánh với sự yếu đuối, hèn nhát của Mtao Mxay
----------------	-------------------	--	---

5. Tình cảm của cộng đồng người Ê – đê với người anh hùng

Câu nói	- Ba lần Đăm Săn kêu gọi thì cả ba lần dân làng Mtao Mxây đều hưởng ứng (ba tượng trưng cho số nhiều): “<i>Không đi sao được...</i>” + “<i>Không đi sao được! Tù trưởng của chúng tôi đã chết, lúa chúng tôi đã mọc, chúng tôi còn ở với ai?</i>” + “<i>Không đi sao được! Nhưng bác ơi, xin bác chờ hcusng tôi cho lợn ăn cái đã</i>” + “<i>Không đi sao được! Làng chúng tôi phía bắc đã mọc cỏ gấu, phía nam đã mọc cả hoang, người nhà giàu cầm đầu chúng tôi nay đã không còn nữa</i>”	- Họ nhất trí xem Đăm Săn là tù trưởng, là anh hùng của họ. - Lời nói của dân làng qua ba lần đối đáp có sự biến đổi, phát triển Sự thuần phục, lòng trung thành tuyệt đối của dân làng Mtao Mxây với Đăm Săn.
Hành động	Mọi người cùng nhau ra về theo Đăm Săn, đông vui như hội: “ <i>Đoàn người đông như bầy cá tong... cống nước.</i> ”	Thể hiện sự thống nhất cao độ giữa quyền lợi, khát vọng của cá nhân người anh hùng với cộng đồng, bộ tộc đồng thời cũng thể

		hiện lòng yêu mến, sự tuân phục của tập thể cộng đồng với cá nhân người anh hùng – nhân vật kết tinh vẻ đẹp của cộng đồng.
--	--	--

6. Đặc trưng Sử thi được thể hiện trong tác phẩm

- Trung tâm là hình ảnh người anh hùng: Đẹp cả hình thể lẫn nhân cách – Đăm Săn
- Sự phục tùng và đồng lòng của cộng đồng – Vì lợi ích cộng đồng, có tính tập thể cao
- Các biện pháp nghệ thuật mang tính lãng mạn hóa: Phóng đại, so sánh, tương phản
- Hình ảnh sum họp cộng đồng trong tác phẩm

7. Ý nghĩa đoạn trích

- Đoạn trích phản ánh tư duy văn hóa cộng đồng thời cổ đại, sức mạnh và vẻ đẹp của người anh hùng trong quan niệm của người xưa: trọng danh dự, gắn bó với hạnh phúc gia đình (Giao chiến để giành lấy vợ và lấy lại danh dự), thiết tha với sự phồn vinh của thị tộc (Mở rộng thị tộc và phát triển thị tộc)
- Ước mơ và khát vọng về một sự giàu có, sung túc, vững mạnh của tù trưởng cũng như buôn làng và cộng đồng dân cư. Ước mơ về một người anh hùng đem lại lợi ích cho cộng đồng
- **Liên hệ:** Tác phẩm vẫn còn thể hiện giá trị trong cuộc sống ngày nay đó là sự đồng lòng, khát vọng phát triển thịnh vượng của quốc gia, dân tộc trong thời đại ngày nay. Đó là ước mơ từ ngàn đời cho tới thời đại này giờ đây là khát vọng được sánh vai với cường quốc, phát triển kinh tế nước nhà ngày một đầy đủ, sung túc và hoàn thiện hơn nữa.

MỤC TIÊU SAU KHI ĐỌC

1. **Học sinh nêu** một số thông tin về tác giả, tác phẩm
2. **Học sinh xác định và chỉ ra** các sự kiện chính trong văn bản và bối cảnh diễn ra các sự kiện đấy
3. **Học sinh phân tích** hình tượng người anh hùng Ra ma để thấy được nhân vật anh hùng trong sử thi được miêu tả là đại diện cho cộng đồng, danh dự cộng đồng được đặt trên danh dự cá nhân.
4. **Học sinh phân tích** được hình tượng người anh hùng, người phụ nữ lí tưởng theo quan niệm người Ấn Độ qua nhân vật Rama và Xita
5. **Học sinh nhận xét và so sánh** được hình tượng người anh hùng trong Sử thi và Thần thoại qua hai đoạn trích “Rama buộc tội” và “Heraclet đi tìm táo vàng”

NỘI DUNG KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

1. Một số thông tin về tác phẩm

a. Vị trí địa lí – Lịch sử - Văn hóa Ấn Độ

- Nằm trên bờ Bắc Địa Trung Hải, nên có những hoạt động hàng hải ngư nghiệp và thương nghiệp biển. Do đó Ấn Độ đã phát triển cao về kinh tế và xã hội, làm cơ sở cho một nền văn hóa rực rỡ.
- Khởi nguồn của nhiều tôn giáo và tín ngưỡng.
- Bắt nguồn Đạo Phật
- Người Ấn Độ đã mang văn hóa, đặc biệt là văn học truyền thống của mình truyền bá ra bên ngoài. Đông Nam Á là nơi chịu ảnh hưởng rõ rệt.

b. Sử thi Ấn Độ

Khái niệm: Sử thi là bức tranh sinh động phản ánh đời sống tư tưởng của nhân dân Ấn Độ qua những cuộc xung đột vũ trang giữa các vương quốc, giữa những chủng tộc sống trên đất Ấn Độ. Sử thi còn là những bài ca vĩ đại ca ngợi những chiến công hiển hách, khí phách hào hùng lí tưởng mà nhân dân Ấn Độ cổ xưa ngưỡng mộ và tôn thờ.

Tiêu biểu: Sử thi Mahabharat và Ramayana

Đặc trưng:

- **Quy mô đồ sộ:** Trên thế giới ít có những bộ sử thi nào quy mô đồ sộ như hai bộ sử thi Mahabharata và Ramayana của Ấn Độ. Mahabharata dài 22 vạn câu, Ramayana dài 5 vạn câu, gấp bảy lần Iliat và Ôđixê của Hi Lạp cộng lại.
- **Xung đột gay gắt:** Hai tập sử thi trên không coi trọng miêu tả chiến tranh mà chú trọng miêu tả sự xung đột giữa cái thiện và cái ác, giữa đạo lí và phi đạo lí. Nếu có xung đột với nhau, trước tiên phải hoà giải, nếu không thành mới tiến tới chiến tranh.
- **Đa dạng nhân vật:** Nhân vật trong sử thi Ấn Độ rất phong phú và đa dạng: Người anh hùng, đạo sĩ, phụ nữ thần thánh, ma quỷ... Nhân vật thường biến hoá đa dạng, nửa thần, nửa người....

c. Sử thi Ramayana

Hoàn cảnh ra đời và xuất xứ

- Hình thành vào khoảng thế kỉ thứ IV – III trước CN, sau bộ Mahabharata nhưng lại kể về chuyện xảy ra trước thời đại của Mahabharata.
- Được quy cho là sáng tác của Valmiki, một nhà thơ sống ẩn dật vào khoảng thế kỉ thứ III TCN, xuất thân đẳng cấp Bà-la-môn và đã tu luyện thành đạo sĩ.
- “Ramayana” là một bộ sử thi bằng tiếng Phạn, được viết bằng văn vần, gồm 24.000 câu thơ đôi (tức 48.000 dòng thơ) trong 7 tập kể về những chiến tích của hoàng tử Rama trong công cuộc chiến đấu tiêu diệt các thế lực đen tối.

Nội dung chính

- **Bước ngoặt cuộc đời:** Từ thân phận hoàng tử trưởng sắp được truyền lại ngôi báu nhưng do lòng đố kỵ của thứ phi Ka-kê-i, Ra-ma bị mất ngôi báu vào tay Bha-ra-ta (con trai của Ka-kê-i) và bị đẩy ải vào rừng 14 năm cùng với vợ chàng là Xi-ta và em trai Lắc-ma-na.
- **Biến cố bất ngờ:** Gần hết kỳ hạn 14 năm thì xảy ra chuyện chẳng lành. Quỷ vương Ra-va-na cướp Xi-ta mang về đảo Lan-ka, được thần linh cứu giúp Xi-ta đã bảo toàn được trinh tiết. Mất vợ, Ra-ma đau buồn nhưng nhờ có sự giúp đỡ của vua khỉ Xu-gri-va, tướng khỉ Ha-nu-man và đoàn quân khỉ giúp sức, Ra-ma đã giết được quỷ vương và cứu được Xi-ta.
- **Xung đột giữa tình yêu và danh dự:** Cứu được Xi-ta nhưng Ra-ma nghi ngờ sự trinh tiết của nàng, ruồng rẫy và không muốn nhận nàng làm vợ, Xi-ta phải nhảy vào giàn lửa tiêu để chứng minh cho lòng chung thủy của mình. Biết nàng trong sạch, thần lửa A-nhi đã cứu nàng.
- **Hạnh phúc:** Anh hùng Ra-ma cùng người vợ thủy chung quay về kinh đô, cai quản đất nước, khiến cho muôn dân được sống trong thái bình thịnh trị.

d. Đoạn trích Rama buộc tội

Vị trí: Nằm ở khúc ca thứ VI chương 79

Bố cục: 2 phần

- + Phần 1 (từ đầu đến “... Ra-va-na đâu có chịu đựng được lâu”): Cuộc gặp gỡ giữa Ra-ma và Xi-ta, diễn biến tâm trạng của Ra-ma.
- + Phần 2 (còn lại): Diễn biến tâm trạng của Xi-ta.

c. Tóm tắt: Sau khi chiến thắng quỷ vương Ra-va-na, cứu Xi-ta, nhưng vì danh dự và lòng ghen tuông, Ra-ma đã nghi ngờ sự trong sạch của Xi-ta và tuyên bố ruồng bỏ

nàng. Xi-ta đã hết lời thanh minh nhưng rồi nàng phải tự bảo vệ danh dự của mình bằng cách nhảy vào giàn lửa và nhờ thần A-nhi chứng giám.

2. Các sự kiện chính và bối cảnh diễn ra sự kiện

- Văn bản Ra-ma buộc tội kể về sự kiện: Hoàng tử Ra-ma sau khi chiến thắng quỷ vương Ra-va-na giành lại được người vợ yêu quý là nàng Xi-ta xinh đẹp, kiều diễm. Vợ chồng gặp lại nhau, Xi-ta vui mừng khôn xiết. Nhưng hoàng tử Ra-ma vì nghi ngờ vợ mình không giữ được trọn vẹn danh tiết và phẩm hạnh trong thời gian bị quỷ Ra-va-na bắt cóc nên đã tuyên bố từ bỏ nàng. Xi-ta ra sức thanh minh nhưng không làm lay chuyển Ra-ma, nàng đành bước lên giàn hỏa thiêu, nhờ thần lửa A-nhi chứng giám cho đức hạnh trung trinh của mình.

- Bối cảnh diễn ra sự kiện ấy: Vợ chồng Ra-ma và Xi-ta gặp nhau trong bầu không khí nặng nề, trang nghiêm như một phiên tòa phán xử.

- Nơi gặp gỡ: Không gian cộng đồng, trước sự chứng kiến của rất nhiều người.

+ **Vị trí của Ra-ma:** Vừa là một vị vua đứng trước thần dân, một anh hùng trọng danh dự đồng thời là một người chồng hết mực yêu thương và xót xa cho vợ của mình ③ Phải chứng tỏ được ý thức về danh dự.

+ **Vị trí của Xi-ta:** Vừa là một người vợ xót xa, đau khổ, vừa là một con người đau đớn, xấu hổ vì bị buộc tội trước quan quân, dân chúng khiến danh dự bị xúc phạm. ③ Phải chứng minh được phẩm hạnh của mình

Cả hai đều ở trong tư cách kếp với những ràng buộc kếp.

Nhận xét: Hoàn cảnh tái hợp rất đặc biệt, đặt các nhân vật vào tình huống đầy thử thách để thể hiện vai trò của mình trước mọi người.

3. Nhân vật Ra – ma

a. Hoàn cảnh tái hợp với Xi ta

- Xi-ta đứng trước mọi người trong cộng đồng như một bị cáo
- Ra-ma ngự trên ngôi như một vị thủ lĩnh, một quan tòa có quyền kết án.
- Ra-ma trong tư cách kép: Một người chồng-một người anh hùng, một đức vua
- Ra-ma trong ràng buộc kép: bốn phận người chồng nhưng vẫn phải giữ tròn bốn phận của một đức vua, anh hùng

b. Tâm trạng của Rama

Trước khi Xi ta lên giàn hỏa thiêu Khi đứng trước cộng đồng	+ Khẳng định chiến thắng và tài nghệ của mình + Tuyên dương công trạng những người giúp đỡ mình Lời lẽ rành mạch, tự hào
Trước khi Xi ta lên giàn hỏa thiêu Khi đứng trước Xi ta	<i>Lời nói:</i> + Xưng hô: ta-phu nhân; cách xưng hô trịnh trọng nhưng rất xa cách + Nhấn mạnh mục đích chiến đấu không phải vì danh dự, phẩm giá của bản thân và cộng đồng <i>“ta làm điều đó vì nhân phẩm của ta”</i> + Bộc lộ nghi ngờ, ghen tuông về trình tiết của Xi-ta: <i>“nàng đã lưu lại lâu trong nhà kẻ xa lạ, đôi mắt tội lỗi của hắc hâu háu nhìn nàng”</i> + Lãng nhục Xi-ta, không nhận làm vợ và đuổi nàng đi: <i>“ta không ưng nàng nữa, ta không cần đến nàng nữa”</i> Lời nói lạnh lùng, tàn nhẫn <i>Dáng vẻ, hành động</i> + Thấy người vợ xinh đẹp <i>“lòng Ra-ma đau như cắt”</i>

	+ Ra-ma đức hạnh nghe người nọ người kia thì thảo bàn tán, ngồi suy nghĩ ủ ê, thăm rỏ nước mắt Thái độ đau đớn, xót xa Sự đối lập trong lời nói, dáng vẻ , hành động buộc Ra-ma phải chọn giữa một bên là bổn phận của một quốc vương, một bên là tình yêu, hạnh phúc cá nhân
Khi Xi ta lên giàn hỏa thiêu	- Kiên quyết không nói một lời, ngồi câm lặng “<i>mắt dán xuống đất</i>” - Ra-ma tê dại “<i>nom chàng khủng khiếp như thần chết</i>” Giữa tình yêu và danh dự, chàng đã chọn danh dự, một con người hi sinh hạnh phúc cá nhân để bảo vệ đạo đức xã hội.

Đặt trong thời điểm khi người anh hùng là đại diện cho cộng đồng, Ra-ma phải chế ngự tình cảm bằng ý thức về bổn phận, danh dự, phải hy sinh quyền lợi cá nhân vì lợi ích chung của cộng đồng. Đây chính là nét đẹp của người anh hùng sử thi.

4. Quan niệm của người Ấn Độ về vẻ đẹp của người anh hùng và người phụ nữ trong Sử thi

a. Về người anh hùng

Hình tượng người anh hùng lí tưởng: được xây dựng trên cảm quan và tư duy tôn giáo.

- Nhân vật anh hùng về ngoại hình phần lớn thường có tầm vóc đẹp, có kích thước lớn lao.
- Chú trọng đời sống tâm linh, nên hình dáng không chỉ là cái bên ngoài mà còn là hình dáng được cảm nhận từ bên trong.
- Nhân vật anh hùng trong bộ sử thi Ramayana, có vẻ bề ngoài thánh thiện. Ngoài tầm vóc mang kích thước vũ trụ, tiêu biểu cho sức mạnh thể chất - tinh thần của cộng đồng dân tộc, nhân vật anh hùng sử thi còn sáng ngời vẻ đẹp của đức hạnh, trí tuệ, tài năng và lòng dũng cảm.
- Lòng dũng cảm, ý chí và nghị lực phi thường được coi là phẩm chất tuyệt đối. trong sử thi Ramayana, nhân vật Ra-ma được xây dựng là người anh hùng “toàn diện toàn mỹ”, không chỉ đẹp về hình thức mà tài năng và đức hạnh của chàng cũng rực rỡ như các vì sao trên bầu trời.

b. Về người phụ nữ

Hình tượng nhân vật Xi-ta

Thái độ của Xi-ta trước những lời buộc tội của Ra-ma:

- Xi-ta ngạc nhiên đến sững sờ: “*mở tròn đôi mắt đẫm lệ*”
- Nàng kinh ngạc, đau đớn, tủi nhục : “*đau đớn đến nghẹt thở như một dây leo bị voi quật nát*”, “*nàng muốn chôn vùi hình hài, thân xác của mình...*”, “*mỗi lời nói của Ra-ma như xuyên vào tái tim nàng một mũi tên*”, “*nước mắt nàng đổ xuống như suối*”, “*giọng nói ghen ngào, nức nở*”...
- Xi - ta dùng lời lẽ đúng mực để thanh minh cho mình, đem tình yêu làm bằng chứng thuyết phục “*Cớ sao chàng lại dùng những lời lẽ gay gắt khó tả như vậy... giống như một kẻ thấp hèn chửi mắng một con ngựa thấp hèn*”, “*Nếu chàng có hiểu biết thiếp chút đỉnh thì xin hãy từ bỏ mọi việc không cần cứ đo đĩ*”.
- **Nàng trách móc Ra-ma:** “*Chàng chẳng cần mạo hiểm để có thể nguy hại đến thân mình và những người bạn hữu của chàng đã không phải chịu những phiền*

muộn, đau khổ” Nàng không chỉ trách móc mà còn phê phán Ra-ma. Qua đó cho thấy, Xi-ta không phải là người dễ dàng chấp nhận những phũ phàng, ngang trái.

- **Nàng đổ lỗi cho số phận, bệnh vực mình** “...*chỉ có số mệnh của thiếp là đáng bị chê trách*”. Xi-ta nhấn mạnh nguồn gốc bản thân và gọi lại lí do Ra-ma cưới mình là tự nguyện, vì tình yêu. Xi-ta khẳng định: “*Nhưng cái gì nằm trong sự kiểm soát của thiếp tức trái tim thiếp đây là thuộc về chàng*” **Nàng khẳng định trái tim và tình yêu của nàng vẫn một mực thủy chung, dành trọn cho Ra-ma – ý thức sâu sắc về dòng dõi và nhân phẩm.**

Quan niệm về người phụ nữ qua nhân vật Xi ta

Hình tượng người phụ nữ với những vẻ đẹp về hình thức, phẩm chất nhân cách bên trong như đức hạnh, tình yêu thương bao la đối với con người và cảnh vật, sự chung thủy, sự chịu đựng đáng trân trọng của người phụ nữ trong mối quan hệ với các vấn đề xã hội (tôn giáo, đẳng cấp, hôn nhân) theo quan niệm của giáo lí. Với tất cả phẩm chất tốt đẹp, những người phụ nữ ấy xứng đáng được xem là “*khuôn vàng thước ngọc*”

5. Hình tượng người anh hùng trong Sử thi và Thần thoại qua hai đoạn trích “Rama buộc tội” và “Heraclet đi tìm táo vàng”

	Rama trong “Rama buộc tội”	Heraclet trong “Heraclet đi tìm táo vàng”
Giống nhau	- Năng lực và trí tuệ hơn người - Xây dựng bằng bút pháp phóng đại, tưởng tượng. Thần thánh hóa nhân vật - Hình tượng người anh hùng: dũng cảm, mưu trí, dám đương đầu với thử thách và khó khăn	

Khác nhau	Người anh hùng trác việt, có nhiều thành công, đóng góp cho cộng đồng, có khả năng sáng tạo văn hóa, chiến đấu với kẻ thù và chinh phục tự nhiên Được sự đồng lòng, tán thưởng và tôn vinh của cộng đồng	Người anh hùng phi thường, biến hóa khôn lường và có năng lực của thần thánh.
------------------	--	--

VĂN BẢN ĐỌC TỰ ĐÁNH GIÁ

NỮ OA (THẦN THOẠI TRUNG QUỐC)

MỤC TIÊU SAU KHI ĐỌC

1. **Học sinh** nêu được sự kiện chính, thời gian, không gian và bối cảnh của câu chuyện
2. **Học sinh xác định** nội dung chính của tác phẩm
3. **Học sinh phân tích** được đặc điểm của nhân vật thần thoại qua việc phân tích hình tượng nhân vật Nữ Oa

NỘI DUNG KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

1. **Xác định sự kiện, thời gian, không gian, bối cảnh của truyện**

Trắc nghiệm

Câu 1. Phương án nêu đủ và đúng các sự kiện chính trong đoạn trích Nữ Oa

A. Nữ Oa tạo ra loài người Nữ Oa luyện đá vá trời

Câu 2. Nữ Oa xuất hiện trong bối cảnh (thời gian, không gian) như thế nào?

D. Trời đất mới sinh thành, có cỏ cây, muông thú và các vị thần Lửa, thần Nước

Câu 3. Đoạn trích Nữ Oa thể hiện nội dung nào?

A. Khát vọng giải thích tự nhiên và biết ơn người có công với cộng đồng

Câu 4. Nhân vật Nữ Oa hội tụ những vẻ đẹp gì?

D. Vẻ đẹp sức mạnh và trí tuệ

Câu 5. Dòng nào sau đây không đúng với truyện Nữ Oa

D. Truyện kể theo lời nhân vật

2. Hình tượng nhân vật Nữ Oa

a. Nữ Oa là người có công tạo ra loài người

- Nữ Oa nghĩ cần phải tạo ra một cái gì đó cho thế giới này thêm phần vui tươi, giàu sức sống. Sau đó, bà lấy đất màu vàng bên bờ đầm, trộn nhuyễn với nước, mô phỏng theo hình dạng của mình in bóng trên mặt nước mà nặn thành đồ vật xinh xắn đáng yêu được gọi là “người”

- Nữ Oa làm việc liên tục không ngừng nghỉ mà đất vẫn trống trải, bà bèn nghĩ ra một cách, lấy một sợi dây, nhúng vào trong nước bùn, vung lên khắp nơi. Khi bà vung sợi dây bùn thì giọt bùn màu vàng bắn đi khắp nơi, rơi xuống đất liền biến thành người cười nói, chạy nhảy

b. Nữ Oa là người có công giúp đỡ và phát triển cuộc sống của con người

- Loài người đang sống vui vẻ thì gặp họa lớn do Thần Lửa và Thần nước đánh nhau khiến con người có nguy cơ diệt vong

- Nữ Oa thấy vậy liền tìm cách tu sửa bầu trời, chọn lấy đá ngũ sắc, dùng lửa để luyện thành chất sánh như keo bít vào lỗ thủng trên bầu trời

- Bà còn bắt một con rùa đen to lớn, chặt bốn chân đem chống ở bốn góc trời, tai họa không còn nữa

- Nữ Oa giúp con người diệt một con rồng đen hung ác, đánh đuổi nhiều loài ác quỷ, mãnh thú. Dạy người dân dùng cỏ lác đốt cháy thành than, đắp thành gò để tránh nạn lũ lụt.

c. Nhận xét hình tượng nhân vật Nữ Oa

- Người khai sinh ra loài người trong trí tưởng tượng của người dân, có năng lực tạo người từ nặn đất

- Nhân vật thần linh có sức mạnh phi thường, cao cả. Có khả năng giúp đỡ nhân loại, cứu giúp loài người, ngăn chặn sức mạnh phá hủy của thần Lửa, thần Nước. Diệt trừ yêu ma, quỷ quái gây hại cho nhân dân và dạy nhân dân tạo ra lửa, phòng lũ lụt.

Hội tụ sức mạnh, trí tuệ, cảm xúc và ước mơ của con người cổ đại

Nhân vật thần thoại: Có khả năng phi thường, có tính sáng tạo cao và có năng lực dẫn dắt, bảo vệ cộng đồng

4. Thông điệp từ các chi tiết hoang đường, kì ảo

Thông điệp đó là:

+ Các vị thần linh đã có công tạo ra vũ trụ, con người, giúp con người vượt qua mọi thiên tai bằng tất cả tình yêu thương và tâm trí của mình. Chính vì vậy mọi người hãy biết ơn, bảo vệ, giữ gìn nó để xứng đáng với công lao của các vị thần linh.

+ Bảo vệ môi trường sống, bảo vệ thiên nhiên, cuộc sống gắn liền với sự sinh tồn của con người.

5. Về phương diện thể loại đoạn trích Nữ Oa giống đoạn trích “Hê – ra – clet đi tìm táo vàng”

Về phương diện thể loại, đoạn trích Nữ Oa giống đoạn trích Hê-ra-clét đi tìm táo vàng. Giống nhau đều có những nhân vật, chi tiết hoang đường nhằm làm cho câu chuyện thêm li kì, hấp dẫn; góp phần tô đậm thêm chiến công, công lao của nhân vật.



Họ đều là nhân vật có trí tuệ thông minh, năng lực phi thường, người có ý chí, nghị lực và có trái tim nhân hậu.

6. Phân tích chi tiết em thấy ấn tượng

Nhìn những sinh linh do mình tạo ra đang hoảng loạn vì tai họa, vị nữ thần đầu người mình rần vô cùng thương xót”. Có thể thấy Nữ Oa là một người có trái tim nhân hậu, trước tai họa do thần Lửa và thần Nước gây ra, bà không chọn cách trừng phạt những kẻ đã gây ra tai họa ấy, mà vội vã tìm đủ mọi cách để tu sửa lại bầu trời giúp dân vượt qua tai họa ấy. Trong khi việc luyện đá trời tốn rất nhiều công sức, công phu nhưng vì những sinh linh ấy bà đã dồn hết tất cả sức mạnh, trí tuệ, tình yêu để khắc phục những hậu quả của cuộc đấu tranh giữa hai vị thần, đem lại cuộc sống bình yên cho con người. Không những thế bà còn giúp con người diệt trừ con rồng đen hung ác để tránh để lại hậu họa về sau, bà còn dạy dân cách để tránh được nạn lũ lụt. Những công lao của bà cho đến ngày nay vẫn còn được lưu truyền cho các thế hệ sau.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

MỤC TIÊU SAU KHI HỌC

1. **Học sinh nhận biết và sửa** được lỗi dùng từ về hình thức ngữ âm, chính tả và ngữ nghĩa
2. **Học sinh hình thành** thói quen cân nhắc sử dụng từ ngữ đúng ngữ nghĩa để đạt hiệu quả giao tiếp cao

Câu 1. Xác định từ có hình thức ngữ âm, chính tả đúng trong các trường hợp sau đây:

- a) xử dụng/**sử dụng**
- b) **xán lạn**/sáng lạng
- c) buôn ba/**bôn ba**
- d) **oan khốc**/oan khóc

Câu 2. Những từ in nghiêng trong các câu sau mắc lỗi gì? Hãy tìm từ đúng thay thế cho các từ đó.

- a) Hê-ra-clét và Ăng-tê đã giao đấu với nhau vô cùng quyết đoán
- b) Sau những chiến công lừng lẫy, khắp nơi đều nghe danh giá Đăm Săn
- c) Dù phải “luyện đá vá trời” hết sức vất vả nhưng Nữ Oa đã thực hiện một công phu, hoàn thành mỹ miều
- d) Thực phẩm nhiễm khuẩn đã làm nhiều người bị ngộ sát, may mà được cứu chữa kịp thời

Gợi ý đáp án

- a) Lỗi dùng từ không đúng nghĩa

Sửa: quyết đoán -> quyết liệt

- b) Lỗi dùng từ không đúng nghĩa

Sửa: danh giá -> danh tiếng

- c) Lỗi dùng từ không đúng nghĩa

Sửa: mỹ miều -> mỹ mẫn

- d) Lỗi dùng từ không đúng nghĩa

Sửa: ngộ sát -> ngộ độc

Câu 3. Phát hiện, phân tích lỗi và sửa lỗi dùng từ trong các câu sau

- a) Lượng mưa năm nay kéo dài đã gây nhiều thiệt hại cho mùa màng
- b) Những bệnh nhân không cần phải mổ mắt, được khoa Dược tích cực pha chế, điều trị bằng những thứ thuốc tra mắt đặc biệt
- c) Những chứng minh về một nền văn hóa cổ ở vùng này còn rất nhiều
- d) Trước lối chơi lực lượng của hàng phòng thủ đối phương, đội bóng của chúng tôi không thể ghi bàn được

Gợi ý đáp án

- a) Lỗi dùng từ không đúng nghĩa

Lượng mưa không thể đi với kéo dài được -> Sửa “lượng mưa” thành “mùa mưa”

=> Mùa mưa năm nay kéo dài đã gây ra nhiều thiệt hại cho mùa màng

- b) Lỗi dùng từ không đúng nghĩa

“bệnh nhân pha chế điều trị” là sai -> sửa: bệnh nhân được điều trị

=> Những bệnh nhân không cần phải mổ mắt, được điều trị tích cực bằng những thứ thuốc tra mắt đặc biệt mà khoa Dược đã pha chế

- c) Lỗi dùng từ không đúng nghĩa

“chứng minh” là sai -> Sửa thành “minh chứng”

=> Những minh chứng về một nền văn hóa cổ ở vùng này còn rất nhiều

- d) Lỗi dùng từ không đúng nghĩa

“lực lượng” là sai -> Sửa thành “tấn công”



=> Trước lối chơi tấn công của hàng phòng thủ đối phương, đội bóng của chúng tôi không thể ghi bàn được

Câu 4. Viết một đoạn văn (khoảng 5-7 dòng) phân tích một nhân vật thần thoại mà em yêu thích, trong đoạn văn có sử dụng một trong các biện pháp tu từ đã học ở Trung học cơ sở?

Nữ Oa có hình dáng đầu người và thân con rắn, một ngày nọ, bà tưởng nhớ Bàn Cổ khai thiên tích địa, tạo ra những ngọn núi và hồ nước, động vật, thay đổi sự tĩnh lặng của thế giới. Tuy nhiên, Nữ Oa luôn luôn cảm thấy rằng thế giới này vẫn còn thiếu một cái gì đó, nhưng không thể nhớ những gì. Trong khi Nữ Oa suy niệm, nhìn xuống dưới nước Hoàng Hà, lúc đó, nước trong xanh, mặt nước tựa như gương, in bóng hình của bà. Khi đó đã ngộ ra thế giới thiếu một "người" như bà. Nữ Oa đã tham chiếu tướng mạo bản thân sử dụng bùn của Hoàng Hà tạo ra một thân hình con người sau đó sử dụng pháp thuật để cho bùn đất sét đó có sự sống thành con người thật thụ.

KĨ NĂNG VIẾT

NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI

MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. **Học sinh xác định** các luận điểm, luận cứ và dẫn chứng trong một bài văn nghị luận
2. **Học sinh viết** được một bài văn nghị luận thuyết phục và hấp dẫn

THỰC HÀNH VIẾT

Đề 1. Suy nghĩ về những tấm gương vượt qua số phận của chính mình



Dàn ý:

I. Mở bài:

- Giới thiệu khái quát những tấm gương tiêu biểu trên một số lĩnh vực
- Họ đều giống nhau ở điểm : vượt lên số phận để sống, học tập, cống hiến cho xã hội

II. Thân bài:

a. Ca ngợi một số tấm gương không chịu thua số phận

- Chọn những tấm gương tiêu biểu được đài báo nói đến:

+ Nhà giáo Nguyễn Ngọc Ký

+ Nhà thơ Đỗ trọng khôi

+ Vận động viên Paragames

+ Kỹ sư máy tính

Cần kể ngắn gọn, giới thiệu được ý thức vươn lên chiến thắng số phận của họ

b. Suy nghĩ về những con người ấy

+ Họ đáng cảm phục

+ Chiến thắng số phận bằng ý chí nghị lực

+ Họ cho ta hiểu sức mạnh của ý chí nghị lực

+ Họ đã “tàn” Nhưng không “phế” lại còn mang đến cho xã hội những thành quả vô giá

- Vì sao họ có thể “không chịu thua số phận” ?

- Ý thức về bản thân và cuộc đời

- Ước muốn có cuộc sống tốt đẹp, có ích.

- Họ có ý thức, kiên trì vượt khó
- Sự giúp đỡ của mọi người

c. Trách nhiệm của mỗi chúng ta và xã hội với họ như thế nào?

- Cảm thông, tôn trọng họ
- Giúp đỡ họ nếu có điều kiện và khi họ cần
- Tạo điều kiện để những người như họ được phát huy khả năng

III. Kết luận:

- Quyết tâm học tập những tấm gương đó

Bài làm:

Mỗi chúng ta khi sinh ra đời chúng ta không thể tự lựa chọn cha mẹ hay số phận cho chính mình được. Tạo hóa cho mỗi con người một số phận khác nhau. Có những người vừa sinh ra đã gặp nhiều may mắn hạnh phúc có ba mẹ yêu thương, sinh ra trong một gia đình giàu có sung túc. Ngược lại có những người vừa sinh ra đã thiệt thòi bởi hoàn cảnh của gia đình khó khăn, hoặc bị ba mẹ bỏ rơi không cha không mẹ, có những người sinh ra đã không được khỏe mạnh bằng chúng bạn của mình, thiệt thòi hơn các bạn rất nhiều. Nhưng dù trong hoàn cảnh nào thì những con người chúng ta đều cố gắng vươn lên trong cuộc sống. Có những người dù bị thiệt thòi trong cuộc sống nhưng họ không vì thế mà buông xuôi cuộc đời mình mà luôn cố gắng vươn lên trong cuộc sống để không thua kém bạn bè. Những con người đó thật sự là tấm gương sáng để cho chúng ta noi theo, thái độ sống tích cực của họ.

Trong xã hội của chúng ta còn nhiều con người chịu nhiều thiệt thòi đó họ không đầu hàng số phận không chấp nhận mình sẽ là gánh nặng của gia đình và xã hội họ cố gắng vươn lên trong cuộc sống của chính mình quả là một điều thật sự đáng ngưỡng mộ. Như thầy giáo Nguyễn Ngọc Kí một con người đã chịu rất nhiều trong cuộc sống khi sinh ra đã bị liệt hai tay. Nhưng bằng nghị lực phi thường của mình thầy

đã cố gắng học viết chữ bằng chân. Những ngày đầu tập viết những nét chữ viết bằng tay còn khó khăn thì những nét chữ bằng chân vô cùng khó. Nhưng thầy Nguyễn Ngọc Kí vẫn kiên nhẫn tập viết mỗi ngày để rồi thầy có thể theo đuổi sự nghiệp học hành của mình. Rồi thầy Nguyễn Ngọc Kí đã thi đỗ đại học rồi trở thành một thầy giáo. Một thầy giáo dạy giỏi viết chữ bằng chân. Đó chính là một nỗ lực phi thường của mỗi con người. Hay như bạn trẻ Nguyễn Sơn Lâm một người cũng bị tật nguyền cả hai chân nhưng lại có những thành tích đáng nể trong học tập và trong cuộc sống của mình. Nguyễn Sơn Lâm là người đã chinh phục được nhiều thành tựu trong cuộc sống. Rồi còn nhiều tấm gương khác trong cuộc sống. Những con người những số phận khi sinh ra đã thiệt thòi hơn so với những người khác trong cuộc sống.

Những con người thiệt thòi, khi họ sinh ra đã không được lành lặn nhưng chính nhờ ý chí, nghị lực sống phi thường của mình mà họ đã vươn lên trở thành những con người thành đạt không hề thua kém những người lành lặn. Thậm chí, nhiều bạn trẻ khỏe mạnh lành lặn nhưng sự nỗ lực trong cuộc sống lại không. Họ để cho những thói hư tật xấu trong cuộc sống cám dỗ mình rồi trở thành những kẻ tội phạm gây ra những tội ác ghê rợn. Những bạn trẻ này thật sự là gánh nặng của xã hội, họ thật sự không biết tận dụng những lợi thế mà cuộc sống, tạo hóa đã ban tặng cho mình sống hoài sống phí tuổi trẻ tương lai của mình. Trong khi đó nhiều người vừa sinh ra do những ảnh hưởng của chất độc màu da cam, hoặc do tạo hóa nên khi vừa chào đời họ đã thiệt thòi, nhưng họ vẫn luôn sống có ích, có ước mơ hoài bão của mình.

Cái đáng quý nhất của mỗi con người này chính là nghị lực sống kiên cường, phi thường của họ. Dù cuộc sống có nhiều khắc nghiệt nhưng họ vẫn vươn lên trong cuộc sống với những ước mơ, hoài bão vô cùng lớn lao. Những con người này thường phải nỗ lực gấp hai, ba lần thậm chí mười lần so với người khỏe mạnh bình thường nhưng họ lại tạo ra những kỳ tích mà người khỏe mạnh bình thường cũng không làm được. Đó chính là điều đáng quý đáng trân trọng ở những con người này. Dù tạo hóa không công bằng với họ nhưng họ không trông chờ vào lòng từ bi, thương hại của người khác mà luôn chủ động trong cuộc sống của mình. Thậm chí họ còn tạo nên

hiều thành công mà người khác phải nỗ lực sự thành công của họ. Họ sinh ra có thể thiếu đi một bộ phận nào đó trên cơ thể nhưng bằng bàn tay khối óc của mình họ đã kiên cường vươn lên trong cuộc sống. Họ quyết khẳng định vị trí của mình không làm gánh nặng cho gia đình và xã hội. Chính trái tim khối óc, ý chí của con người đã chiến thắng mọi thứ trong cuộc sống. Những con người có nghị lực sống thì không có khó khăn nào có thể làm họ gục ngã.

Đề 2. Viết bài văn nghị luận bàn về sức mạnh của ý chí con người trong cuộc sống

Dàn ý:

I. Mở bài

- Dẫn dắt, nêu vấn đề cần nghị luận: ý chí nghị lực sống của con người.

II. Thân bài

** Luận điểm 1: Giải thích khái niệm ý chí nghị lực*

- Ý chí, nghị lực là bản lĩnh, sự dũng cảm và lòng quyết tâm cố gắng vượt qua thử thách dù khó khăn, gian khổ đến đâu để đạt được mục tiêu đề ra.
- Người có ý chí nghị lực là người có ý chí sức sống mạnh mẽ, luôn kiên trì, nhẫn nại vượt qua những khó khăn, chông gai trong cuộc đời để vươn lên, khắc phục hoàn cảnh đi đến thành công.

** Luận điểm 2: Nguồn gốc, biểu hiện của ý chí nghị lực*

- Nguồn gốc: Nghị lực của con người không phải trời sinh ra mà có, nó xuất phát và được rèn luyện từ gian khổ của cuộc sống.

- Biểu hiện của ý chí nghị lực:

- Người có nghị lực luôn có thể chuyển rủi thành may, chuyển họa thành phúc, không khuất phục số phận và đổ lỗi thất bại do số phận. Ví dụ: Milton, Beethoven...
- Luôn biết khắc phục hoàn cảnh khó khăn bằng cách tự lao động, mưu sinh, vừa học vừa làm, tự mở cho mình con đường đến tương lai tốt đẹp.
- Những người bị bệnh tật hiểm nghèo hoặc bị khiếm khuyết trên thân thể: cố gắng tự chăm sóc cho bản thân, cố gắng tập luyện, làm những việc có ích.

** Luận điểm 3: Vai trò, ý nghĩa của ý chí nghị lực*

- Nghị lực giúp con người đối chọi với khó khăn, vượt qua thử thách của cuộc sống một cách dễ dàng hơn. Ví dụ: Bill Gate...
- Có niềm tin vào bản thân, tinh thần lạc quan để theo đuổi đến cùng mục đích, lí tưởng sống.
- Thay đổi được hoàn cảnh số phận, cuộc sống có ích, có ý nghĩa hơn.
- Trở thành những tấm gương về ý chí, nghị lực vượt lên số phận.
- Người có ý chí nghị lực sẽ luôn được mọi người ngưỡng mộ, cảm phục, đồng thời tạo được lòng tin ở người khác.

** Bình luận, mở rộng*

- Phê phán những người không có ý chí, nghị lực:

- Những người chưa làm nhưng thấy khó khăn đã nản chí, thấy thất bại thì hủy hoại và sống bất cần đời.
- Những người có điều kiện đầy đủ nhưng không chịu học tập, buông thả, không nghĩ đến tương lai.
- Những người khi gặp khó khăn là buông xuôi, nản chí, phó mặc cho số phận.



=> Lối sống cần lên án gay gắt.

- Phương hướng rèn luyện:

- Rèn luyện ý chí, nghị lực, luôn biết vươn lên, vượt qua khó khăn trong cuộc sống.
- Biết chấp nhận những khó khăn, thử thách, coi khó khăn, thử thách là môi trường để tôi luyện.

** Bài học nhận thức và hành động:*

- Cuộc sống nhiều gian nan, thử thách thì nghị lực sống là rất quan trọng.
- Cần phải học cách rèn luyện mình để có thể vững vàng và trưởng thành hơn sau mỗi lần vấp ngã.
- Rèn luyện bản thân thành người có ý chí và nghị lực để vượt qua mọi chông gai và thử thách trên chặng đường dài.
- Lên án, phê phán những người sống mà không có ý chí nghị lực, không có niềm tin về cuộc sống.
- Học tập những tấm gương sáng để đi tới thành công.

III. Kết bài

- Khẳng định lại vai trò quan trọng của ý chí nghị lực trong cuộc sống.
- Liên hệ bản thân.

Bài làm:

Xung quanh chúng ta, có biết bao nhiêu người đã vượt lên số phận, chiến thắng hoàn cảnh khắc nghiệt để vươn đến điều tốt đẹp nhất. Đó thực sự là tấm gương để mỗi người học tập, rèn luyện. Cũng vì thế mà nghị lực sống luôn được coi trọng và phát huy không ngừng nghỉ.

Nghị lực sống của con người trước hết chính là bản lĩnh, sự cố gắng, kiên cường để vượt lên tất cả những khó khăn và thử thách. Để có được nghị lực phi thường đó thì bắt buộc con người đó phải chịu quá nhiều vất vả, nhiều dằn vặt. Đây có thể coi là động lực để hình thành nên ý chí, nghị lực này.

Đâu đây trong cuộc sống, chúng ta vẫn bắt gặp không ít người, không ít số phận có được nghị lực vươn lên như vậy. Hình ảnh cậu bé tàn tật vẫn lê la xung quanh khu chợ mỗi buổi chiều tà, ánh mắt cậu buồn rười rượi để bán vé số. Những bước đi nặng nề ấy giữa tiết trời nắng chang chang và tiếng rao vé số như xé lòng. Dù đói nghèo, dù tàn tật nhưng cậu vẫn cố gắng để nuôi sống bản thân, để có thể không phải ngửa tay xin người khác. Một cuộc đời tàn nhưng không phé khiến mọi người rớt nước mắt. Chính nghị lực, sự nỗ lực đã khiến cậu bé vượt lên chính mình, trước kết là vượt lên sự kì thị của mọi người và lòng tự ti của bản thân mình.

Nghị lực sống của con người còn được biểu hiện rất đơn giản, thường xuyên trong cuộc sống, và nó tồn tại ở trong chính con người bạn. Con đường đại học gian nan, với nhiều thử thách ở phía trước. Bạn muốn chạm vào cánh cổng đại học, nơi bạn có thể thực hiện ước mơ của mình. Bạn phải cố gắng, phải kiên cường, phải tìm tòi. Nếu không có nghị lực thì liệu rằng bạn có thể đạt được ước mơ đó không.

Khi đã có nghị lực trong con người mình thì bạn sẽ thấy mình trưởng thành hơn, học tập được nhiều điều. Những người có nghị lực là những người có thể tự đứng lên bằng chính đôi chân, bằng sức lực của bản thân, không dựa dẫm, ỉ lại vào bất kỳ ai. Đây không phải là điều mà ai cũng có thể làm được.

Nghị lực sẽ giúp bạn có thể tự tin đương đầu với thử thách, sóng gió, kể cả nỗi bất hạnh và mất mát bạn cũng có thể chịu đựng được. Là bởi vì bạn đã được rèn giũa, tôi luyện hăng hăng bằng chính nghị lực của bản thân. Chắc hẳn chúng ta chưa quên hình ảnh người thầy Nguyễn Ngọc Ký với sự cố gắng, nỗ lực, vượt lên chính mình để có thể trở thành người có ích cho xã hội như hiện nay. Không phải tự nhiên mà họ thành tài, cũng không phải trời thương, trời cho. Đó chính là quá trình cố gắng, kiên trì, miệt

mài và không ít lần rơi nước mắt để có thể đạt được kết quả đáng ngưỡng mộ này. Đó chính là nghị lực phi thường, một nghị lực khiến ai cũng phải ngưỡng mộ và ngạc nhiên.

Tuy nhiên, bên cạnh những người biết vươn lên, có nghị lực thì có một số người có lối sống ỷ lại, dựa dẫm, không có tinh thần phấn đấu, ý chí tiến thủ. Điều này thật nguy hại khi chính bản thân họ đang tự đưa mình vào ngõ cụt. Không cố gắng, không có chí tiến thủ, không biết tự hoàn thiện mình thì chắc chắn sẽ chỉ mãi mãi là người đi sau. Xã hội cần những con người có ý chí và nghị lực chứ không cần những kẻ có bằng cấp nhưng thiếu thực lực.

Mỗi chúng ta hiện nay đang là học sinh, đang ngồi trên ghế nhà trường thì nghị lực là điều vô cùng quan trọng. Rèn luyện đức tính này thì bạn sẽ là người có một bước đệm chạm vào tương lai rất dễ dàng. Nghị lực sống của con người là điều mà mỗi người cần cố gắng, cần rèn luyện để có thể hoàn thiện bản thân và trở thành người có ích cho xã hội.

KĨ NĂNG NGHE NÓI

THUYẾT TRÌNH VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI

MỤC TIÊU SAU KHI NGHE - NÓI

1. **Học sinh thuyết trình** về một vấn đề xã hội, một hiện tượng trong cuộc sống hoặc một vấn đề đặt ra từ một hay một số tác phẩm văn học

THỰC HÀNH NGHE - NÓI

Lập dàn ý bài nghe nói về một trong hai đề bài sau

Đề 1. Suy nghĩ của em về vấn đề nhận lỗi và đổ lỗi cho người khác

I. Mở bài:

Không ai có thể đi đến thành công mà không qua những sai lầm. Sai lầm, lỗi lầm là điều tất yếu trong cuộc sống. Thế nhưng, khi xảy ra lỗi lầm, nhiều người không dám nhận lấy lỗi để sửa chữa, khắc phục mà thường đổ lỗi cho người khác.

II. Thân bài:

1. Giải thích:

+ “Đổ lỗi” là hành vi con người cố tình chối bỏ lỗi lầm của mình, hoặc viện cớ do lí do khách quan, hoặc đổ tội cho người khác. Đây là một hiện tượng đáng buồn thường gặp trong cuộc sống hằng ngày.

2. Biểu hiện của hiện tượng đổ lỗi cho người khác:

+ Các nhà thầu xây dựng yếu kém, ăn bớt vật liệu khiến công trình sụp đổ, gây tai nạn, không chịu nhận trách nhiệm mà đổ lỗi do địa hình, khí hậu. VD: Vụ sập cầu Chu Va ở tỉnh Lai Châu năm 2014.

+ Thất bại trong cuộc sống, nhiều người đổ lỗi do hoàn cảnh khó khăn, nghèo khó mà quên mất rằng cũng nhiều người nhờ nỗ lực không ngừng mà làm giàu từ hai bàn tay trắng.

+ Học sinh lười biếng, không chăm chỉ học tập đạt kết quả kém lại đổ lỗi cho chương trình sách giáo khoa nặng nề...

3. Nguyên nhân của hiện tượng mọi người luôn đổ lỗi cho nhau:

– Do sự lười nhác, không cố gắng mà chỉ mong thụ hưởng của nhiều người. Khi nhìn thấy sai lầm của người khác hoặc bản thân gây ra sai lầm, họ vẫn vô tâm, không tích cực ngăn chặn hoặc khắc phục để hạn chế tổn hại.

+ Do con người hèn nhát, không dám đối mặt với lỗi lầm của mình. Nhiều người chỉ vì quá hèn nhát, sợ hãi khi xảy ra sai lầm, họ đã trốn tránh, thoái thác trách nhiệm, đổ

lỗi cho người khác khiến cho hậu quả của hành động ấy còn lớn hơn hậu quả do sai làm ấy gây ra.

+ Do con người ích kỉ, thiếu trách nhiệm, chỉ muốn đùn đẩy phần khó khăn cho người khác. Nhiều người chỉ biết đến lợi ích của bản thân mình, không quan tâm đến người khác. Khi sai lầm xảy ra, họ chỉ cố sức bảo vệ mình, bỏ mặc người khác dù hậu quả có thế nào đi chăng nữa. Những kẻ vô tâm ấy thường gây nên những tổn thất rất lớn cho xã hội.

+ Do lòng tham khiến cho con người mở mắt, sẵn sàng làm những việc trái với lương tâm và tìm cách đổ vạ cho người khác... Để vét đầy túi tham, nhiều kẻ đã bất chấp lương tâm, làm những việc tàn nhẫn chỉ để có được điều mình mong muốn.

4. Hậu quả của việc đổ lỗi cho người khác:

+ Hiện tượng đổ lỗi gây mất đoàn kết trong tập thể, khi không ai nhận trách nhiệm về mình cứ cứ đùn đẩy cho người khác.

+ Hiện tượng đổ lỗi không giúp khắc phục hậu quả gây ra, mà trái lại càng làm việc khắc phục hậu quả thêm trì trệ, khiến hậu quả càng nghiêm trọng.

+ Hiện tượng đổ lỗi khiến chúng ta trở thành kẻ vô trách nhiệm, tự huyễn hoặc bản thân rằng mình không bao giờ sai, từ đó không thể tiến bộ, hoàn thiện mình.

+ Nếu xã hội ai cũng chỉ biết đổ lỗi mà không có tinh thần trách nhiệm, khắc phục sai lầm, thì xã hội đó sẽ trở nên trì trệ, chậm phát triển.

5. Giải pháp khắc phục:

+ Mỗi cá nhân cần biết tự ý thức, có tinh thần trách nhiệm, dũng cảm nhận lỗi, sửa lỗi.

+ Gia đình, nhà trường giáo dục con em hình thành ý thức nhận lỗi; người lớn phải làm gương cho trẻ em, không ngần ngại nói “Xin lỗi” khi mình mắc sai lầm và có cách thức cụ thể, thiết thực để sửa chữa lỗi lầm.

+ Ngoài ra, mọi người cũng nên khoan dung tạo điều kiện cho người mắc sai lầm sửa sai.

6. Phê phán:

Có nhiều người khi phạm phải lỗi lầm đã hèn nhát lẫn trốn và đổ lỗi cho người khác. Những người như thế thật đáng lên án.

7. Bài học nhận thức:

– Dám nhận lỗi là một hành động dũng cảm, là sống có trách nhiệm đối với công việc, bản thân và người khác.

III. Kết bài:

Không có lỗi lầm sẽ không có thành công. Mỗi lỗi lầm sẽ giúp bạn trưởng thành hơn. Hãy dũng cảm nhận lỗi, tích cực khắc phục sai lầm càng nhanh càng tốt để làm giảm bớt những tổn hại do hành động nhút nhát của chúng ta gây ra.

Đề 2. Làm thế nào để con người vượt lên số phận của chính mình trong cuộc sống

I. Mở bài

Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: biện pháp để con người vượt lên số phận chính mình trong cuộc sống

II. Thân bài

1. Vai trò, ý nghĩa của ý chí nghị lực

- Nghị lực giúp con người đối chọi với khó khăn, vượt qua thử thách của cuộc sống một cách dễ dàng hơn. Ví dụ: Bill Gate...
- Có niềm tin vào bản thân, tinh thần lạc quan để theo đuổi đến cùng mục đích, lí tưởng sống.
- Thay đổi được hoàn cảnh số phận, cuộc sống có ích, có ý nghĩa hơn.



- Trở thành những tấm gương về ý chí, nghị lực vượt lên số phận.
- Người có ý chí nghị lực sẽ luôn được mọi người ngưỡng mộ, cảm phục, đồng thời tạo được lòng tin ở người khác.

2. Bình luận, mở rộng

- Phê phán những người không có ý chí, nghị lực:

- Những người chưa làm nhưng thấy khó khăn đã nản chí, thấy thất bại thì hủy hoại và sống bất cần đời.
- Những người có điều kiện đầy đủ nhưng không chịu học tập, buông thả, không nghĩ đến tương lai.
- Những người khi gặp khó khăn là buông xuôi, nản chí, phó mặc cho số phận.

=> Lối sống cần lên án gay gắt.

- Phương hướng rèn luyện:

- Rèn luyện ý chí, nghị lực, luôn biết vươn lên, vượt qua khó khăn trong cuộc sống.
- Biết chấp nhận những khó khăn, thử thách, coi khó khăn, thử thách là môi trường để tôi luyện.

3. Bài học nhận thức và hành động:

- Cuộc sống nhiều gian nan, thử thách thì nghị lực sống là rất quan trọng.
- Cần phải học cách rèn luyện mình để có thể vững vàng và trưởng thành hơn sau mỗi lần vấp ngã.
- Rèn luyện bản thân thành người có ý chí và nghị lực để vượt qua mọi chông gai và thử thách trên chặng đường dài.



- Lên án, phê phán những người sống mà không có ý chí nghị lực, không có niềm tin về cuộc sống.
- Học tập những tấm gương sáng để đi tới thành công.

III. Kết bài

Khái quát lại vấn đề nghị luận: sức mạnh ý chí của con người trong cuộc sống; đồng thời rút ra bài học, liên hệ bản thân.